TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Ông Hà Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Thái Thoại- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 459/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 8, thôn 2A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 8, thôn 2A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị H. Vắng mặt anh L (Có đơn xin xét xử vắng mặt L ngày 21/12/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2018, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc

không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành L tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 1998, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh L chơi cờ bạc dẫn đến thua nợ quá nhiều lần, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh L vẫn không thay đổi. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh L không tìm được tiếng nói chung, không thể giải quyết được mâu thuẫn. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu tH, quý trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là Nguyễn Triệu Vy, sinh năm 2000; Nguyễn Trọng Vũ, sinh ngày 26/01/2007 và Nguyễn Trường Vinh, sinh ngày 03/6/2009. Cháu Nguyễn Triệu Vy đã trên 18 tuổi nên chị không có yêu cầu gì. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Trọng Vũ và Nguyễn Trường Vinh, yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000đồng/tháng/con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự và đơn xin xét xử vắng mặt đều L ngày 21/12/2018 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành L trình bày: Anh xác nhận vào năm 1998, anh và chị Đặng Thị H tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì ngoài việc anh có chơi bài bạc và thua nợ nhiều lần, chị H đã khuyên nhủ nhưng anh vẫn chưa thể thay đổi. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung tên Nguyễn Triệu Vy, sinh năm 2000; Nguyễn Trọng Vũ, sinh ngày 26/01/2007; Nguyễn Trường Vinh, sinh ngày 03/6/2009. Nay chị H có yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Nguyễn Trọng Vũ, Nguyễn Trường Vinh và yêu cầu anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/con thì anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được, anh L đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tòa án xác định quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con trong quá trình giải quyết và đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ và đúng pháp luật.

Chị Đặng Thị H và anh Nguyễn Thành L tự nguyện tìm hiểu yêu tH nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Quá trình chung sống do anh L không lo làm ăn, ham mê cờ bạc, thua nợ nhiều, chị H đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh L vẫn không thay đổi. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn yêu thương quý trọng nhau. Tại phiên tòa, chị H có nguyện vọng và cương quyết xin ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: Vợ chồng chị H có 03 con chung: Nguyễn Triệu Vy, sinh năm 2000; Nguyễn Trọng Vũ, sinh ngày 26/01/2007; Nguyễn Trường Vinh, sinh ngày 03/6/2009. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Nguyễn Trọng Vũ, Nguyễn Trường Vinh và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng/con. Hai cháu Vũ và Vinh đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ, anh L cũng đồng ý giao 02 cháu Vũ và Vinh cho chị H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho hai cháu 4.000.000 đồng/tháng. Đây là sự tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn anh Nguyễn Thành L có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt L ngày 21/12/2018. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận có chơi bài bạc và thua nợ nhiều lần, chị H phải trả nợ cho anh. Chị H đã khuyên nhủ nhưng anh L vẫn không thay đổi. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh L là sự thật. Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời anh L cũng không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L là thật sự trầm trọng, anh L không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có nguyện vọng muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ cho anh chị. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên là Nguyễn Triệu Vy, sinh năm 2000; Nguyễn Trọng Vũ, sinh ngày 26/01/2007 và Nguyễn Trường Vinh, sinh ngày 03/6/2009. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào nguyện vọng của con và quyền lợi về mọi mặt của các con. Cháu Nguyễn Triệu Vy đã trên 18 tuổi nên không phải xem xét trong bản án này. Cháu Vũ và cháu Vinh đều có nguyện vọng được sống với mẹ và chị H cũng có yêu cầu được

nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung. Anh L cũng thống nhất giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp pháp luật.

Chị H yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/con. Anh L đồng ý với yêu cầu này của chị H. Vì vậy, yêu cầu của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh L phải chịu án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H ly hôn anh Nguyễn Thành L.

2/ Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con Nguyễn Trọng Vũ, sinh ngày 26/01/2007 và Nguyễn Trường Vinh, sinh ngày 03/6/2009. Anh Nguyễn Thành L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/con (2.000.000 đồng/tháng/con x 02 con = 4.000.000 đồng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Đặng Thị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh Nguyễn Thành L phải cấp dưỡng nuôi con nêu trên, thì anh L còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Chị H có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có nghĩa vụ phải thi hành ngay số tiền mà Hội đồng xét xử buộc phải cấp dưỡng nuôi con theo đơn yêu cầu thi hành án của chị H.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

4/ Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024959 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/01/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đ,
-Chi cục THA dân sự huyện Đ,
-UBND xã Đ, L, Bình Thuận,
-Các đương sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Thuận